

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2022/HS-ST
Ngày 20-12-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Đình T, sinh ngày 04/02/1967 tại Nam Định; nơi cư trú: Số 2/42 Đ, phường N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Phạm Thị P (đều đã chết); có vợ: Nguyễn Thị H1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 11/8/2022, tạm giam ngày 20/8/2022; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 10 lô 8 L, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 12 CT2 A1 phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Bà Lưu Thị D, sinh năm 1944; địa chỉ: Số 30/37 C, phường T, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/8/2010, Nguyễn Thị T, sinh năm 1951, nơi cư trú: số 493B T, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định gặp Trần Đình T và rủ T đi bán hạt hạnh nhân nhưng nói dối là thuốc tốt mang từ bên Lào về, có thể chữa được nhiều bệnh để bán với giá cao. T đồng ý. Sau đó, T lại gọi điện rủ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967 (hiện chưa rõ lai lịch) cùng tham gia; Y đồng ý.

Ngày 08/8/2010, T đến một cửa hàng thuốc Đông y ở thành phố Nam Định mua 05 kg hạt hạnh nhân với giá 100.000 đồng/kg và các loại túi nilon để đóng gói.

Đến ngày 10/8/2010, T mang theo hạnh nhân và túi nilon đã chuẩn bị từ trước cùng T đi từ Nam Định ra Hải Phòng đến nhà trọ của Y thuê ở xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tại đây, T bàn bạc thống nhất với T và Y nhiệm vụ của từng người để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: T đóng giả là người sống ở bên Lào về và có mang thuốc tốt có thể chữa được bệnh về bán. Y đi vào các khu chợ hoặc khu đông người qua lại để tìm người cần mua thuốc và giới thiệu để người có bệnh về mất tin là thuốc chữa khỏi bệnh của họ để dẫn họ đến chỗ T mua thuốc. T sẽ có trách nhiệm chở T đi đến chờ sẵn ở một địa điểm nào đó thuận lợi để chờ người mua thuốc. Ngoài ra, T còn đóng vai trò giả làm khách hàng đã từng mua thuốc của T và sẽ giới thiệu với người có bệnh do Y dụ dỗ được về việc đã dùng thuốc của T rất tốt để người có bệnh thêm niềm tin mua thuốc của T. Khi người mua đã đồng ý mua thuốc của T nhưng không có đủ tiền trả hoặc không mang theo tiền thì T sẽ giả vờ đứng ra cho người đó mượn tiền để trả rồi sau đó T sẽ đi cùng người đó về nhà lấy tiền đã cho mượn. T nói với T giá bán thuốc là 12.000.000 đồng/1 túi (mỗi túi đựng 06 túi nhỏ) và nếu người mua thuốc muốn mua lẻ từng túi nhỏ thì giá bán là 2.000.000 đồng/1 túi. Sau khi bàn bạc xong, T đóng gói được 12 túi ni lon nhỏ màu trắng bên trong đựng các hạt hạnh nhân và cho 12 túi hạt hạnh nhân đó vào 2 túi to màu đen (mỗi túi đựng 06 túi nhỏ) để chuẩn bị đi bán.

Khoảng 09h00' ngày 10/8/2010, T, T và Y đi đến khu vực gần cổng bệnh viện Phụ sản, Hải Phòng thấy bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950, nơi cư trú: số 10 Lô 8 Lâm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị sụp mí mắt. Với cách thức đã được thống nhất từ trước, T, T và Y đã khiến bà N tin tưởng và đồng ý mua 02 túi thuốc (hạt hạnh nhân) với giá 24.000.000 đồng. Do bà N chỉ mang theo 8.000.000 đồng nên T đã giả vờ cho bà N vay số tiền 16.000.000 đồng để trả cho T. Sau đó, T đã cùng bà N đi về nhà để lấy tiền. Khi về đến nhà bà N thì bà

N tỏ ý nghi ngờ T nên T đã bỏ về nhà trọ của Y. Tại đây, T đã chia cho Y, T số tiền cả nhóm vừa chiếm đoạt được của bà N.

Khoảng 08h00' ngày 13/8/2010, cũng với thủ đoạn tương tự, T, T và Y đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa bà Đỗ Thị P, sinh năm 1950, nơi cư trú: số 12 CT2 A1, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng mua 01 túi thuốc (hạt hạnh nhân) của T với giá 6.000.000 đồng. Do lúc này bà P chỉ có 1.400.000 đồng đưa cho T nên bà P bảo sẽ gọi điện cho con gái đến trả nốt tiền thuốc cho T. Sợ con gái bà P phát hiện ra việc lừa đảo nên T và Y bảo bà P tháo chiếc nhẫn vàng đang đeo ở tay ra trả tiền thuốc nhưng bà P không đồng ý. Do lo sợ bị phát hiện nên T, T và Y lên xe máy bỏ đi.

Đến khoảng 9h30' ngày 13/8/2010, T và Y tiếp tục đến khu vực Chợ Con, Lê Chân, Hải Phòng gặp bà Lưu Thị D, sinh năm 1944, nơi cư trú: số 30/37 Chợ Con, Lê Chân, Hải Phòng. Y dẫn bà D đến khu vực đường Lán Bè, Lê Chân, Hải Phòng để mua thuốc của T. Do bà D không mang theo tiền nên T đã giả vờ cho bà D mượn 12 triệu đồng để trả cho T rồi T đi cùng bà D về nhà bà D lấy tiền. Khi đến khu vực đầu ngõ nhà bà D thì gặp con gái bà D là Trần Thị Kim Phượng, sinh năm 1978, cùng cư trú tại số 30/37 Chợ Con, Lê Chân, Hải Phòng. Bà D bảo chị Phượng cho mượn tiền để trả cho T nhưng chị Phượng không cho mượn tiền. Sợ bị phát hiện nên T điều khiển xe bỏ đi nhưng bị bà D và chị Phượng đuổi theo giữ lại và đưa T về trụ sở Công an phường Trại Cau để trình báo sự việc.

Quá trình điều tra đã xác định số thuốc mà nhóm T, T, Y bán cho bà N, bà P và bà D là hạt hạnh nhân.

Ngày 08/4/2011, Tòa án nhân dân quận Lê Chân đã mở phiên tòa xét xử và tuyên phạt Nguyễn Thị T 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (tại bản án số 43/2011/HSST).

Đối với Trần Đình T, sau khi bị phát hiện đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với T. Đến ngày 11/8/2022, T bị Công an quận Lê Chân bắt truy nã.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa Trần Đình T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, T còn khai, ngày 10/8/2010, sau khi bán thuốc giả chiếm đoạt được tài sản, T được T chia cho 500.000 đồng. Khi từ Nam Định ra Hải Phòng, T không có tiền nên không góp tiền gì với T để thực hiện việc đi bán thuốc giả. T không biết nguồn gốc số tiền T bỏ ra cho các bị hại mượn để trả tiền mua thuốc là của ai.

Tại bản Cáo trạng số 132/CT-VKSLC ngày 23 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân truy tố bị cáo Trần Đình T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về xử lý vật chứng: 01 túi nilon màu đen bên trong chứa hạt hạnh nhân đã được xử lý khi tại bản án số 43/2011/HSST ngày 08/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

Đối với Nguyễn Thị Y hiện chưa xác định được lai lịch và nơi ở, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong các ngày 10/8/2010 và 13/8/2010, Trần Đình T đã cùng các đồng phạm bàn bạc, phân công thực hiện thủ đoạn gian dối dưới hình thức mua hạt hạnh nhân giả là thuốc chữa bệnh bán cho các bị hại để chiếm đoạt tài sản. Tổng số tiền T và các đồng phạm chiếm đoạt được là 9.400.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đình T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nay là điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; người bị hại (bà P, bà D) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Đình T mức án tù từ 24 đến 27 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập và không có tài sản riêng, đề nghị Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo và đồng bọn chiếm đoạt của những người bị hại đã được giải quyết tại bản án số 43/2011/HSST ngày 08/4/2011; hiện các bị hại không yêu cầu Trần Đình T bồi thường gì thêm, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xét giải quyết. Buộc bị cáo phải nộp lại 500.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo tự bào chữa: Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay tranh luận với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa và công nhận lời luận tội đúng hành vi phạm tội, không bị oan.

Lời nói sau cùng của của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác tại hồ sơ có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 10/8/2010 và 13/8/2010, Trần Đình T đã cùng các đồng phạm bàn bạc, phân công thực hiện thủ đoạn gian dối dưới hình thức mua hạt hạnh nhân giả là thuốc chữa bệnh bán cho các bị hại để chiếm đoạt tài sản. Tổng số tiền T và các đồng phạm chiếm đoạt trong ba lần thực hiện hành vi phạm tội là 9.400.000 đồng. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và luận tội bị cáo Trần Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét thấy khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực đến thời điểm truy tố, xét xử đã được thay thế Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và có hiệu lực từ 01/01/2018; đối chiếu giữa hai bộ luật cho thấy mức hình phạt tương đương nhau; căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội việc truy tố và xét xử bị cáo theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu riêng về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có đồng phạm.

[5] Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Bị cáo thực hành với vai trò giúp sức cho Nguyễn Thị T (T là người khởi xướng, xúi giục bị cáo). Trong 02 ngày, ngày 10/8/2010 và ngày 13/8/2010 bị cáo và đồng phạm đã 3 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền là 9.400.000 đồng, căn cứ theo Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền đã cùng đồng phạm chiếm đoạt của những người bị hại.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị hại (bà P, bà D) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

- Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Từ những phân tích cần thiết phải xử lý bị cáo bằng bản án nghiêm, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Việc đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9] Số tiền bị cáo và T chiếm đoạt của bà N, bà P, bà D đã được giải quyết tại bản án số 43/2011/HSST ngày 08/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân; đến nay các bị hại không có ý kiến yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết. Nhưng cần buộc bị cáo phải nộp lại 500.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 43/2011/HSST ngày 08/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

- Về án phí:

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt: Trần

Đình T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 11/8/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo Trần Đình T phải nộp lại số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại (bà N, bà D, bà P) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

T hợp bản án được thi hành theo Điều 2, 26 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an Quận Lê Chân + PV 06 + PC10;
- Trại tạm giam Công an Hải Phòng;
- Bị cáo + THAHS;
- Những người bị hại;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Sở tư pháp Hải Phòng;
- UBND P'. Nặng Tĩnh, Tp Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc